

Bản án số: 17/2017/HNGĐ-ST

Ngày 16/8/2017

“V/v Không công nhận là vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà: Nguyễn Thị Chinh.

Ông: Bùi Văn Liên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Thu Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 189/2016/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2017 về việc “ *Không công nhận là vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2017/QĐST - HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2016 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H - sinh năm: 1974 (Có mặt)

Trú tại : Thôn A, xã P, huyện K, tỉnh Đ.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H - sinh năm 1961 (Có mặt)

Trú tại: Thôn A, xã P, huyện K, tỉnh Đ.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/7/2017, các lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Tôi và ông Nguyễn Văn H chung sống với nhau từ năm 1990 trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình nên chúng tôi tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, nhưng do lúc này tôi chưa đủ tuổi kết hôn, khi đủ tuổi chúng tôi cũng không đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kết hôn, do nhận thức pháp luật còn hạn chế và từ đó đến nay cũng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống chúng tôi có 02 con chung là Nguyễn Thị A, sinh ngày 26/4/1992 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 02/6/1995. Trong thời gian chung sống, chúng tôi sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, lý do là chồng tôi ông H hay cờ bạc, ngoại tình không quan tâm đến vợ con nên chúng tôi thường xuyên cãi vã, chửi bới nhau, cuộc sống chung của hai vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã hết và chúng tôi sống ly thân nhau từ lâu, không ai quan tâm tới ai. Nay tôi xét thấy không thể tiếp tục chung sống với ông H được nữa, nguyện vọng của

tôi yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận giữa tôi và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng.

Về con chung: Các cháu là Nguyễn Thị A, sinh ngày 26/4/1992 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 02/6/1995 đã đủ tuổi thành niên, nên chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi tự nguyện thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H tại bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa trình bày có nội dung như sau: Tôi và bà H chung sống với nhau từ năm 1990 trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình nên chúng tôi tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, khi đó bà H chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên chúng tôi không đi **đăng ký kết hôn. Khi bà H đủ tuổi chúng tôi cũng không đi đăng ký kết hôn,** và từ đó đến nay cũng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống chúng tôi có 02 con chung là Nguyễn Thị A, sinh ngày 26/4/1992 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 02/6/1995. Trong thời gian chung sống, chúng tôi sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng lý do là vợ chồng không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, chửi bới nhau, tình cảm vợ chồng đã hết không thể hàn gắn được nên vợ chồng tôi đã sống ly thân. Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận tôi và bà H là vợ chồng thì tôi đồng ý, bởi vì chúng tôi không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể ở với nhau được nữa.

Về con chung: Các cháu đã trên 18 tuổi nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chúng tôi tự nguyện thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định tư cách đương sự đầy đủ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa các đương sự tuân thủ nội quy phiên tòa và sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa. Căn cứ hồ sơ vụ án, kết quả hỏi tại phiên tòa thì đề nghị HĐXX tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, và loại việc tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn H là quan hệ hôn nhân không hợp pháp. Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn H sống chung với nhau từ năm 1990, lúc này bà H chưa đủ tuổi kết hôn

như vậy là vi phạm pháp luật. Sau một thời gian chung sống khi đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, bà H và ông H không đăng ký kết hôn. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn H đều đề nghị Toà án không công nhận ông, bà là vợ chồng. Do vậy cần tuyên bố bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn H không phải là vợ chồng là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn H có 02 con chung là Nguyễn Thị A, sinh ngày 26/4/1992 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 02/6/1995. Các cháu đã thành niên bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn H đều không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn H không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147 BLTTDS. Khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí , lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu không công nhận là vợ chồng của bà Nguyễn Thị H. Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng

3. Về con chung: Các con đã trên 18 tuổi và các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn H không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5 Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2016/0002552 ngày 07/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện Krông Năng;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Vp.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ XƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Phạm Minh Thuận